

- bệnh viện Nhị trung ương.
4. **Phạm Nguyễn Vinh (2003)**, Bệnh học tim mạch, Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, Nhà Xuất Bản Y Học.
5. **Feltes T.F., Bacha E., Beekman R.H. và cộng sự. (2011)**. Indications for Cardiac Catheterization and Intervention in Pediatric Cardiac Disease: A Scientific Statement From the

- American Heart Association. Circulation, **123(22)**, 2628.
6. **Robert HP, Ziyad Hijazi, Daphne TH, Veronica Lewis, William EH.** Multicenter USA Amplatzer Patent Ductus Arteriosus Occlusion Devive Trial, Initial and One-year Results. J Am Coll Cardiol 2004; 44: 513-519.

ĐÁNH GIÁ MỐI LIÊN QUAN GIỮA RỐI LOẠN LIPID MÁU VỚI MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC Ở BỘ ĐỘI TÀU NGẦM

Phạm Trường Sơn*, Dương Văn Thiện**, Lương Công Thức***

TÓM TẮT

Mục tiêu: tìm hiểu mối liên quan giữa rối loạn lipid máu với tình trạng stress và thời gian làm việc ở bộ đội tàu ngầm. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang, mô tả thực hiện trên 290 quân nhân thủy thủ tàu ngầm, chia làm hai nhóm, nhóm 1: nhóm dưới tàu (101 người) và nhóm 2: nhóm trên bờ (189 người). Tất cả quân nhân được đánh giá thời gian hoạt động trên tàu, đánh giá mức độ căng thẳng cảm xúc theo bộ câu hỏi Spielberger, làm xét nghiệm sinh hóa máu đánh giá rối loạn lipid máu. **Kết quả:** không có mối tương quan giữa nồng độ Triglycerid, LDL-C, HDL-C với tình trạng căng thẳng cảm xúc thường xuyên ở cả hai nhóm. Nhóm dưới tàu có mối tương quan thuận, yếu giữa tình trạng căng thẳng cảm xúc thường xuyên với nồng độ cholesterol ($r=0,153$, $p<0,05$), nhóm trên bờ không thấy mối tương quan này. Không có mối tương quan giữa các chỉ số rối loạn lipid máu với thời gian phục vụ trong lực lượng tàu ngầm của nhóm dưới tàu. **Kết luận:** Không có mối tương quan giữa tình trạng căng thẳng cảm xúc thường xuyên, thời gian phục vụ trong lực lượng tàu ngầm với rối loạn lipid máu.

Từ khóa: Căng thẳng cảm xúc, thủy thủ tàu ngầm, rối loạn lipid máu.

Viết tắt: RLLP: rối loạn lipid máu.

SUMMARY

ASSOCIATION BETWEEN DYSLIPIDEMIA AND SOME RISK FACTORS IN SUBMARINE SOLDIERS

Purpose: To find out the association between dyslipidemia and psychological stress, army service's duration in submarine soldiers. **Subjects and method:** 290 submarine soldiers were involved and divided into 2 groups: group 1 including 101 subjects (frequently experiencing in the sea), group 2 including 189 subjects (working on the land). A cross sectional studying was carried out to assess army service's

duration, psychological stress was evaluated by questionnaire's Spielberger, the blood test was done to investigate dyslipidemia. **Results:** No association was found between persistent psychological stress and (triglycerid, LDL-C, HDL-C) in two groups, a weak relation was shown with cholesterol ($r=0,153$, $p<0,05$) in group 1. There was no association between dyslipidemia and army service's duration. **Conclusion:** No association was found between persistent psychological stress, army service's duration and dyslipidemia

Keywords: Dyslipidemia, submarine soldiers, psychological stress.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với quân nhân nhất là quân nhân phục vụ trong lực lượng tàu ngầm, do yêu cầu cao của môi trường làm việc, tiêu chuẩn sức khỏe để tuyển chọn phải là sức khỏe loại 1, trong đó các chỉ số sinh hóa máu phải trong giới hạn bình thường (Thông tư số 26/2011/TT-BQP) [1]. Rối loạn lipid máu (RLLP) là một trong các yếu tố nguy cơ tim mạch chính, việc phát hiện sớm RLLP máu có vai trò quan trọng và cần thiết để phòng ngừa các bệnh lý tim mạch. Nếu các rối loạn lipid máu của các thủy thủ không được điều chỉnh về bình thường, trở thành bệnh lý, các thủy thủ sẽ bị loại khỏi lực lượng tàu ngầm gây tổn thất cho lực lượng, lãng phí tiền của vì quá trình tuyển chọn, đào tạo rất tốn kém và mất nhiều thời gian, công sức.

Việc dự phòng các rối loạn lipid máu cho các thủy thủ tàu ngầm đặt ra vấn đề cấp bách nhằm ngăn ngừa các bệnh lý liên quan và kéo dài tuổi thọ nghề nghiệp cho các thủy thủ. Ngoài các yếu tố nguy cơ thường gặp, một số yếu tố ở bộ đội tàu ngầm có thể liên quan đến tình trạng rối loạn lipid máu môi trường rung sóc, tiếng ồn, chế độ làm việc ca kíp sẽ tạo ra tình trạng stress có thể làm nặng thêm những rối loạn này [5]. Trong đó tình trạng stress tâm lý cho thấy có mối liên quan rõ ràng với rối loạn lipid máu ở các bệnh lý khác nhau. Đánh giá được những yếu tố nguy cơ liên quan đến rối loạn lipid máu sẽ giúp cho công tác

*Bệnh viện Trung Ương quân đội 108

** Y học Hải quân

***Bệnh viện quân y 103

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Trường Sơn

Email: ptson108@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 28.3.2022

Ngày duyệt bài: 13.4.2022

phòng và chữa bệnh hiệu quả hơn, cũng như có thể nghiên cứu tìm ra những giải pháp nhằm hạn chế những rối loạn này cho bộ đội tàu ngầm. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm tìm hiểu mối liên quan giữa rối loạn lipid máu với tình trạng stress và thời gian làm việc ở bộ đội tàu ngầm”

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu. Gồm toàn bộ quân nhân thuộc đơn vị M9, chia làm hai nhóm: nhóm 1 (nhóm dưới tàu) và nhóm 2 (nhóm trên bờ), thời gian nghiên cứu từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017.

2.1.2. Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu

- Nhóm dưới tàu (nhóm 1): Là quân nhân các kíp tàu, được biên chế chính thức trong các kíp tàu ngầm Diesel Việt Nam, tham gia 100% các chuyến đi biển huấn luyện trong năm (khoảng 90 ngày/năm), chế độ ăn theo chế độ quy định (5500 kcalo/ ngày)

- Nhóm trên bờ (nhóm 2): Nhóm đảm bảo, huấn luyện thoát hiểm tàu ngầm, dự bị kíp tàu ngầm, thời gian đi biển bằng 20% thời gian của nhóm 1 (khoảng 18 ngày/năm), chế độ ăn theo chế độ quy định (4100 kcalo/ngày).

2.1.3. Tiêu chuẩn loại trừ. Các đối tượng không đảm bảo đầy đủ theo hồ sơ nghiên cứu và các đối tượng đang có bệnh phải đi điều trị, uống thuốc ngoại trú, hoặc đi an dưỡng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang và so sánh.

2.2.2. Các bước tiến hành nghiên cứu

- Lập mẫu phiếu điều tra: tính tuổi, thời gian làm việc trong lực lượng tàu ngầm.

- Xét nghiệm sinh hoá máu: Cholesterol, Triglycerid, HDL- C, LDL-C tính theo mmol/l. Mức

độ RLLP máu được đánh giá theo khuyến cáo 2008 của hội tim mạch Việt nam [2], gọi là tăng nếu: cholesterol $\geq 5,2$ mmol/l, triglyceride $\geq 2,3$ mmol/l, LDL-C $\geq 3,4$ mmol/l, HDL-C $\leq 0,9$ mmol/l.

- Tình trạng căng thẳng cảm xúc của bộ đội tàu ngầm được đánh giá bằng bộ câu hỏi của Spielberger [5]. Bảng này gồm hai phần

+ Phần I: từ câu 1 đến câu 20 đánh giá tình trạng căng thẳng cảm xúc của đối tượng ở thời điểm hiện tại gồm 4 mức độ: mức độ 1: không có (1 điểm), mức độ 2: hình như có (2 điểm), mức độ 3: có (3 điểm), mức độ 4: rất rõ (4 điểm). Đánh giá trạng thái stress ở thời điểm hiện tại: SH = S1-S2+35.

Trong đó:

+ SH: Chỉ số stress ở thời điểm hiện tại.

+ S1: Tổng số điểm của các câu: 3, 4, 6, 7, 9, 12, 13, 14, 17, 18.

+ S2: Tổng số điểm của các câu: 1, 2, 5, 8, 10, 11, 15, 16, 19, 20.

+ Phần II: từ câu 21 đến câu 40 đánh giá tình trạng căng thẳng cảm xúc thường xuyên của đối tượng, gồm 4 mức độ: mức độ 1: không khi nào gặp (1 điểm), mức độ 2: đôi lúc có (2 điểm), mức độ 3: có thường xuyên (3 điểm), mức độ 4: lúc nào cũng vậy (4 điểm). Đánh giá trạng thái stress thường xuyên: ST = S3-S4+35.

Trong đó:

+ ST: Chỉ số stress thường xuyên.

+ S3: Tổng điểm của các câu: 22, 23, 24, 25, 28, 29, 31, 32, 34, 35, 37, 38,40.

+ S4: Tổng số điểm của các câu: 21, 26, 27, 30, 33, 36, 39.

Từ đó phân loại mức độ lo âu theo thang điểm Spielberger: Mức độ lo âu thấp (≤ 30), vừa (31- 45), cao (46- 64), có xu hướng bệnh lý > 64 .

2.3. Xử lý số liệu. Các số liệu nghiên cứu được xử lý bằng máy vi tính trên phần mềm SPSS v20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo thời gian trong lực lượng

Thời gian (tháng)	Nhóm trên bờ (n = 101)		Nhóm dưới tàu (n = 189)		Tổng (n = 290)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
38	0	0	53	28,0	53	18,3
55	0	0	4	2,1	4	1,4
60	0	0	54	28,6	54	18,6
70	0	0	42	22,2	42	14,5
80	101	100	36	19,0	137	47,2

Nhận xét: nhóm trên bờ có thời gian phục vụ như nhau là 80 tháng chiếm tỉ lệ 100%, trong khi đó nhóm dưới tàu thời gian phục vụ 80 tháng chỉ có 19%, chủ yếu có thời gian phục vụ là 60 tháng và 38 tháng với tỷ lệ lần lượt chiếm 28,6% và 28%.

Bảng 2. Đặc điểm về stress của đối tượng nghiên cứu

Stress	Nhóm trên bờ (101)		Nhóm dưới tàu (189)		Tổng		p
	n	%	n	%	n	%	
1. Mức độ căng thẳng cảm xúc hiện tại							
Thấp	91	90,1	150	79,4	241	83,1	= 0,05
Vừa	10	9,9	37	19,6	47	16,2	
Cao	0	0	2	1,1	2	0,7	
Trung bình	18,59 ± 8,25		21,68 ± 9,25				
2. Mức độ căng thẳng cảm xúc thường xuyên							
Thấp	25	24,8	31	16,4	56	19,3	>0,05
Vừa	67	66,3	128	67,7	195	67,2	
Cao	9	8,9	30	15,9	39	13,4	
Trung bình	36,31 ± 6,9		37,90 ± 7,47				

Nhận xét: Căng thẳng cảm xúc hiện tại chủ yếu ở mức độ thấp (83,1%), căng cảm xúc thường xuyên chủ yếu ở mức độ vừa (67,2%). Không có sự khác biệt giữa hai nhóm về tỷ lệ các mức độ căng thẳng cảm xúc

Bảng 3. Đặc điểm các thành phần lipid máu

Thành phần lipid máu	Giá trị	Chung		Nhóm trên bờ		Nhóm dưới tàu		p
		n (290)	%	n (101)	%	n (189)	%	
Cholesterol	Bình thường	187	64,5	72	71,3	115	60,8	<0,05
	Cao	103	35,5	29	28,7	74	39,1	
	TB (mmol/l)	4,86 ± 0,80		4,63 ± 0,67		4,98 ± 0,84		
Triglycerid	Bình thường	66	65,3	135	71,4	201	69,3	<0,05
	Cao	35	34,7	54	28,6	89	30,7	
	TB (mmol/l)	1,56 ± 1,02		1,48 ± 0,62		1,61 ± 1,18		
LDL-C	Tối ưu	229	79,0	89	88,2	140	74,1	< 0,05
	Cao	61	21	22	21,8	49	25,9	
	Trung bình	2,84 ± 0,56		2,66 ± 0,51		2,93 ± 0,56		
HDL-C	Thấp, bình thường	106	36,5	36	35,7	70	37,0	> 0,05
	cao	184	63,5	65	64,3	119	63,0	
	Trung bình	1,56 ± 0,30		1,56 ± 0,47		1,56 ± 0,42		

Nhận xét: tăng cholesterol máu chiếm 35,5%, tăng TG chiếm 34,7%, tăng LDL-C chiếm 21%. Nhóm dưới tàu có tỷ lệ tăng lipid máu, cũng như nồng độ trung bình lipid máu (Cholesterol, HDL-C và Triglycerid) cao hơn nhóm trên bờ. Không có sự khác biệt giữa hai nhóm về tỷ lệ giảm HDL và nồng độ trung bình HDL-C.

Bảng 4. Liên quan giữa lipid máu với tình trạng căng thẳng cảm xúc thường xuyên

Chi tiêu		Nhóm trên bờ			Nhóm dưới tàu		
		Thấp, vừa (n=92)	Cao (n=9)	Chung (n=101)	Thấp, vừa (n= 159)	Cao (n=30)	Chung (n=189)
Cholesterol	r	0,094	0,188	0,010	0,039	0,024	0,153
	p	0,372	0,629	0,922	0,625	0,901	0,036
TG	r	0,022	0,370	0,043	0,068	0,047	0,070
	p	0,833	0,328	0,668	0,396	0,806	0,338
LDL-C	r	0,003	0,228	0,017	0,004	0,062	0,135
	p	0,975	0,554	0,866	0,958	0,743	0,064
HDL-C	r	0,013	0,015	0,033	0,062	0,059	0,018
	p	0,902	0,970	0,741	0,437	0,758	0,802

Nhận xét: nhóm dưới tàu có mối tương quan thuận, yếu giữa tình trạng căng thẳng thường xuyên với nồng độ cholesterol (r=0,153, p<0,05). Trong khi đó, nhóm trên bờ không cho thấy mối tương quan với nồng độ cholesterol. Không có mối tương quan giữa nồng độ Triglycerid, LDL-C, HDL-C với tình trạng căng thẳng thường xuyên ở cả hai nhóm nghiên cứu

Bảng 5. Liên quan giữa RLCH lipid với thời gian làm việc trong lực lượng tàu ngầm ở nhóm dưới tàu

Chi tiêu		Nhóm dưới tàu		
		>60 tháng (n=132)	<60 tháng (n=57)	Chung (n=189)
Cholesterol	r	0,022	0,222	0,062
	p	0,798	0,098	0,397
TG	r	0,016	0,031	0,031
	p	0,854	0,816	0,675
LDL-C	r	0,072	0,143	0,051
	p	0,410	0,289	0,482
HDL-C	r	0,015	0,121	0,033
	p	0,868	0,368	0,649

Nhận xét: không có mối tương quan giữa chỉ số Cholesterol, Triglycerid, HDL-C, LDL-C với thời gian phục vụ trong lực lượng tàu ngầm của nhóm dưới tàu.

IV. BÀN LUẬN

Bảng 1 cho thấy nhóm dưới tàu có thời gian phục vụ trong lực lượng chủ yếu là 80 tháng, trong khi đó nhóm trên bờ thời gian phục vụ 80 tháng chỉ có 19%, chủ yếu có thời gian phục vụ là 60 tháng và 38 tháng với tỷ lệ lần lượt chiếm 28,6% và 28%.

Trong điều kiện công việc khác nhau, để đánh giá tình trạng căng thẳng tâm lý, người ta dùng thang điểm GHQ12, để đánh giá tình trạng căng thẳng cảm xúc người ta dùng trắc nghiệm tâm lý thông qua thang điểm Spielberger, và thấy có mối liên quan chặt chẽ giữa hai thang điểm này [3]. Cảm xúc có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi hoạt động của con người. Những vấn đề công việc và môi trường của thủy thủ tàu ngầm rất đặc biệt: không gian khép kín, cô lập; tiếng ồn gây hại, hơi khí độc; rối loạn giấc ngủ, rối loạn nhịp sinh học. Do đó nhiều thủy thủ tàu ngầm chịu đựng vấn đề về tâm lý như lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ,... [6], những rối loạn tâm sinh lý dẫn đến căng thẳng cảm xúc, từ đó gây các quá trình bệnh lý. Đặc biệt tác động lên hệ tim mạch, hô hấp, và các rối loạn chuyển hóa trong đó có rối loạn chuyển hóa lipid. Trong nghiên cứu này chúng tôi đánh giá stress thông qua thang điểm căng thẳng cảm xúc Spielberger.

Bảng 2 cho thấy, căng thẳng cảm xúc hiện tại chủ yếu ở mức độ thấp (83,1%), căng cảm xúc thường xuyên chủ yếu ở mức độ vừa (67,2%). Không có sự khác biệt giữa hai nhóm về tỷ lệ và các mức độ và giá trị trung bình căng thẳng cảm xúc. Với căng thẳng cảm xúc thường xuyên, giá trị điểm trung bình của nhóm trên bờ là $36,31 \pm 6,9$, nhóm dưới tàu là $37,90 \pm 7,47$. Nguyễn Hoàng Luyến [4] khi nghiên cứu bộ đội tàu ngầm VN cũng có kết quả tương tự với điểm trung bình của trạng thái lo âu thường xuyên (Spielberger) là $36,47 \pm 6,96$ ($p > 0,05$), với trạng thái lo âu mức độ vừa chiếm ưu thế với 70,7% ($p > 0,05$). Tác giả cho rằng đặc điểm về cảm xúc của thủy

thủ tàu ngầm chủ yếu là trạng thái căng thẳng cảm xúc, lo âu thường xuyên. Trạng thái lo âu thường xuyên là cảm nhận chủ quan của thủy thủ tàu ngầm về stress, về tình trạng điển hình mà họ đã trải qua. Ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi khi hoạt động trong tàu ngầm tác động gây biến đổi về sinh lý, tâm lý thủy thủ tàu ngầm ở mức độ khác nhau, những biến đổi này tồn tại thời gian dài sau khi làm việc, gây nên trạng thái stress thường xuyên ở thủy thủ tàu ngầm. Trạng thái lo âu thường xuyên hay gặp ở mức độ vừa phản ánh tâm lý của thủy thủ tàu ngầm khi huấn luyện, trong đó giai đoạn huấn luyện trên biển là giai đoạn căng thẳng nhất. Tuy nhiên đối với nhóm dưới tàu do có thể chỉ đi biển 90 ngày/ năm, nên sự căng thẳng không còn duy trì lâu sau đó, nên không có sự khác biệt với nhóm dưới tàu.

Bảng 3 cho thấy tăng cholesterol máu chiếm 35,5%, tăng TG chiếm 34,7%, tăng LDL-C chiếm 21%. Nhóm dưới tàu có tỷ lệ tăng lipid máu, cũng như nồng độ trung bình lipid máu (Cholesterol, HDL-C và Triglycerid) cao hơn nhóm trên bờ. Hoàng Xuân Luyến [4] cũng thấy chỉ số Lipid máu tăng có ý nghĩa thống kê sau thời gian hoạt động trên tàu ngầm: Cholesterol tăng 13,62% ($p < 0,01$), Triglycerid tăng 31,59% ($p < 0,01$). Có thể do thiếu Oxi ngắt quãng làm hoạt hóa hệ thần kinh giao cảm, giảm thải Lipoprotein, tăng phân giải Lipid, giảm tiết Insulin, từ đó tăng sinh tổng hợp lipid [6].

Nhiều nghiên cứu cho thấy, stress tâm lý có khả năng tham gia vào quá trình gây rối loạn chuyển hóa, đặc biệt rối loạn chuyển hóa lipid máu. Kết quả bảng 4 cho thấy có mối tương quan mức độ yếu giữa nồng độ cholesterol với chỉ số căng thẳng nghề nghiệp thường xuyên, nồng độ cholesterol mặc dù là mối quan tương quan thuận và rất yếu ($r = 0,153$, $p < 0,05$). Trong khi đó, nhóm trên bờ không cho thấy mối tương quan với nồng độ cholesterol.

Bảng 5 cho thấy không có mối tương quan

nào giữa yếu tố thời gian phục vụ trong lực lượng với các chỉ số của RLCH lipid máu. Heath G. Gasier [7] cũng nhận thấy rằng không có sự khác biệt về nồng độ HDL-C trước và sau khi đi tàu 3 tháng trở về trên cùng nhóm thủy thủ, thậm chí thấy có sự giảm ý nghĩa triglycerid và LDL-C. Tác giả cho rằng sở dĩ có giảm lipid máu là vì có giảm các yếu tố gây viêm mà cơ chế chưa rõ ràng và thấy rằng sau khi đi tàu về còn có sự tốt hơn về mặt chuyển hóa. Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi được nghỉ ngơi thời gian dài sau khi đi tàu ngầm 3 tháng/ 1 năm nên mỗi liên quan với thời gian phục vụ không rõ ràng.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 290 thủy thủ tàu ngầm thuộc đơn vị M9 đánh giá mối liên quan giữa rối loạn lipid máu với một số đặc điểm môi trường trên cho thấy:

- Không có mối tương quan giữa nồng độ Triglycerid, LDL-C, HDL-C với tình trạng căng thẳng thường xuyên

- Ở nhóm dưới tàu có mối tương quan thuận, yếu giữa tình trạng căng thẳng thường xuyên với nồng độ cholesterol ($r=0,153$, $p<0,05$). Trong khi đó, nhóm trên bờ không thấy mối tương quan với nồng độ cholesterol.

- Không có mối tương quan giữa chỉ số Cholesterol, Triglycerid, HDL-C, LDL -C với thời

gian phục vụ trong lực lượng tàu ngầm của nhóm dưới tàu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Quốc Phòng (2013)** Thông tư Quy định tiêu chuẩn định lượng ăn, quần trang nghiệp vụ, quần trang tăng thêm; trang bị nhà ăn nhà bếp, dụng cụ cấp dưỡng và nhu yếu phẩm của lực lượng Tàu ngầm chiến dịch". Số 76/2013/TT-BQP ngày 06/6/2013.
- Hội Tim mạch học Việt Nam (2008)** Khuyến cáo 2008 của Hội Tim mạch học Việt Nam về chẩn đoán và điều trị rối loạn lipid máu. Khuyến cáo 2008 về các bệnh lý tim mạch và chuyển hóa, Nhà xuất bản Y học, tr. 476-501.
- Bùi Thị Hà (2002)** Nghiên cứu đặc điểm môi trường lao động và các rối loạn bệnh lý có tính chất nghề nghiệp của thuyền viên vận tải xăng dầu đường biển. Luận án tiến sĩ y học, Học viện Quân y, Hà Nội, tr. 49-84.
- Nguyễn Hoàng Luyện (2017)** Nghiên cứu điều kiện lao động và sức khỏe thủy thủ tàu ngầm. Luận án Tiến sĩ y học, Học viện Quân y. tr.132-140.
- Weekes N., Lewis R., Patel F. et al (2006)** Examination stress as an ecological inducer of cortisol and psychological response to stress in undergraduate student, *Stress*, 9 (4), pp. 199 - 206.
- Bennett S., Pisaniello D (2006)** Oberon Class Submarine Occupational Hygiene Project, Final report, Conducted by Center for Military & Veteran Health, University of Queensland, University of Adelaide Nodes, pp. 1 - 89
- Heath G. Gasier et al (2016)** Cardiometabolic Health in Submariners returning from a 3-Month Patrol, *Nutrients*, 8, 85.

KẾT QUẢ SỚM CỦA PHẪU THUẬT MẠCH MÁU TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

Nguyễn Duy Thắng^{1,2}, Nguyễn Anh Huy¹,
Nguyễn Duy Gia¹, Đoàn Quốc Hưng^{1,2}, Vũ Ngọc Tú^{1,2}

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp mô tả cắt ngang gồm 328 bệnh nhân được phẫu thuật từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 02 năm 2022. Số bệnh nhân phẫu thuật mạch máu chi dưới có số lượng nhiều nhất là 112 trường hợp (chiếm 47,1%), trong đó 36 trường hợp là bệnh mạch lý mạch máu. Số phẫu thuật mạch máu vùng cổ và nền cổ là 40, trong đó phẫu thuật động mạch cảnh là 23. Phẫu thuật mạch máu vùng ổ bụng có 46 trường hợp với bệnh lý phồng

động mạch chủ chậu chiếm tỉ lệ nhiều nhất (23). Có 18 trường hợp phẫu thuật bóc lộ động mạch tạo đường vào để thực hiện các can thiệp tim mạch qua da và 20 trường hợp phẫu thuật xử lý các biến chứng sau chọc mạch để thực hiện các can thiệp qua da này. Đa phần các phẫu thuật được thực hiện với kết quả tốt, phục vụ cho điều trị bệnh mạch máu cũng như điều trị bệnh lý chính từ các nơi khác (tim, động mạch chủ, suy thận, suy tim phổi nặng).

Từ khóa: phẫu thuật mạch máu; bóc nội mạc động mạch cảnh; bắc cầu động mạch cảnh - dưới đòn; bắc cầu đùi - khoeo; bắc cầu động mạch chủ - đùi; lấy huyết khối mạch máu.

Viết tắt: ĐM: động mạch; ĐMC: động mạch chủ; PT: phẫu thuật.

SUMMARY

EARLY RESULTS OF VASCULAR SURGERY AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY

¹Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Ngọc Tú

Email: vungoctu@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 25.3.2022

Ngày duyệt bài: 11.4.2022